

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2021
V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị C, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 11, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn S, phường A, thành phố T, tỉnh T; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đồng Thị Tươi trình bày:

Chị kết hôn với anh H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm Tiến, xã Đông Hưng, thành phố T, tỉnh T vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn chị

và anh H sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thu Ngân, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Tú Uyên, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2016. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2017. Trong thời gian sống ly thân nhưng chưa ly hôn với anh H chị có quan hệ tình cảm và đã có thai với anh Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng. Ngày 01 tháng 9 năm 2019 chị đã sinh được 01 con dự định đặt tên là Lê Hoàng Long tại Bệnh viện Đa khoa huyện N. Ngày 15 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T giải quyết cho chị và anh H được ly hôn theo bản án số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020. Ngày 30 tháng 11 năm 2020 chị và anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký khai sinh cho con được vì chị sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị đã có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định gen (ADN) của anh Đ và của con dự định đặt tên là Lê Hoàng Long do chị sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng. Ngày 06 tháng 4 năm 2021 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã có kết luận giám định số 32/2021/GĐSH kết luận anh Đ và cháu bé dự định đặt tên là Lê Hoàng Long có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05 tháng 02 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Đ trình bày:

Năm 2018 anh có quan hệ tình cảm với chị C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 11, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh T và chị C đã có thai. Ngày 01 tháng 9 năm 2019 chị C sinh được 01 con dự định đặt tên là Lê Hoàng Long tại Bệnh viện Đa khoa huyện N. Ngày 15 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T giải quyết cho chị C và anh H được ly hôn theo bản án số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020. Ngày 30 tháng 11 năm 2020 anh và chị C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký khai sinh cho con được vì chị C sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị C đã có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định gen (ADN) của anh và của con dự định đặt tên là Lê Hoàng Long do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng. Ngày 06 tháng 4 năm 2021 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã có kết luận giám định số 32/2021/GĐSH kết luận anh và cháu bé dự định đặt tên là Lê Hoàng Long có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh là cha đẻ của con do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 5 năm 2021 trình bày:

Anh kết hôn với chị C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 11, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh T vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, thành phố T, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thu Ngân, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Tú Uyên, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2016 đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị C có đơn xin ly hôn và ngày 15 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T đã giải quyết cho anh và chị C được ly hôn theo bản án số 38/2020/HNGĐ-ST. Nay C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 tại Bệnh viện Đa khoa huyện N, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị C và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị C, bị đơn là anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị C, xác định anh Đ là cha đẻ của con dự định đặt tên là Lê Hoàng Long do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn là chị C: Nguyên đơn là chị C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N; bị đơn là anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H đều đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn là chị C. Xét chị C kết hôn với anh H vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, thành phố T, tỉnh T. Ngày 01 tháng 9 năm 2019 chị C sinh được 01 con dự định đặt tên là Lê Hoàng Long tại Bệnh viện Đa khoa huyện N theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N. Ngày 15 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T giải quyết cho chị C và anh H được ly hôn theo bản án số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020. Như vậy chị C sinh con theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh H nhưng chị C và anh H đều khẳng định chị C và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thu Ngân, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Tú Uyên, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2016, chị C và anh Đ thống nhất anh Đ là cha đẻ của con do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N phù hợp với kết luận giám định số 32/2021/GĐSH ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận anh Đ và cháu bé dự định đặt tên là Lê Hoàng Long do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Vì vậy căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị C, xác định anh Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị C, xác định anh Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 11, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị C sinh ra ngày 01 tháng 9 năm 2019 theo Giấy chứng sinh số 53, quyển số 19 ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện N.

2. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

